

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày 02 – 8 – 2018
“V/v kiện đòi nợ tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nay H’Chiêm.

Bà Đỗ Thị Giang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp kiện đòi nợ tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Hà T, xã Bảo N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình,

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Thông, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Hà T, xã Bảo N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị My M, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Chị Hoàng Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị My M có mối quan hệ quen biết. Chị H có chơi hụi với chị M, chị M là chủ hụi, đến ngày hết hụi, chị M không có tiền thanh toán cho chị H nên đã viết giấy nhận nợ có nội dung: “Chị M nợ em H số tiền là 90.500.000 đồng hẹn đến tháng 11 năm 2017 âm lịch sẽ trả hết, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng không ghi vào giấy nhận nợ. Đến ngày 01/01/2018, chị M trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 70.500.000 đồng. Khi

đến hạn trả nợ như đã cam kết, mặc dù chị H đã nhiều lần yêu cầu chị M trả nợ nhưng chị M không trả, nên chị H đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê giải quyết buộc chị M trả cho chị H 70.500.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 11/2017 cho đến nay là 5.500.000 đồng. Tại phiên hòa giải, bị đơn đề nghị nguyên đơn cho bị đơn trả mỗi năm 20.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ; nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền nợ gốc và lãi như đã nêu trên.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị My M trình bày:

Chị M công nhận có nợ của chị Hoàng Thị Thanh H số tiền 90.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng và hẹn trả đủ cả gốc và lãi vào tháng 11/2017 (âm lịch). Tuy nhiên do chị làm ăn thua lỗ nên không trả nợ cho chị H theo đúng hẹn được. Đến ngày 01/01/2018, chị có trả cho chị M 20.000.000 đồng tiền nợ gốc. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị trả tiền gốc 70.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 11/2017 cho đến nay là 5.500.000 đồng, thì chị đồng ý trả cho chị M. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình của chị rất khó khăn, làm ăn thua lỗ, nên chị đề nghị chị H cho chị trả mỗi năm 20.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/5/2018, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 4, xã I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Thông có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Chị Hoàng Thị Thanh H với chị Nguyễn Thị My M cùng ký kết giấy nhận nợ là có thật. Các bên thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện;

hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy nhận nợ có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị My M trả cho chị H 70.500.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 11/2017 cho đến nay là 5.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, tại các biên bản phiên họp chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn chị M thừa nhận có nợ của nguyên đơn là chị H 90.500.000 đồng tiền nợ gốc và hẹn đến 11/2017 sẽ trả đủ; ngày 01/01/2018, chị M đã trả cho chị H được 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, hiện nay chị M còn nợ chị H 70.500.000 đồng tiền nợ gốc. Nay chị H yêu cầu chị M trả cho chị H 70.500.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 11/2017 cho đến nay là 5.500.000 đồng thì chị M đồng ý trả cho chị H số tiền nợ gốc là lãi nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình của chị rất khó khăn, làm ăn thua lỗ, nên chị đề nghị chị H cho chị trả mỗi năm 20.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ.

Mặc dù hai bên đã thống nhất về số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả nhưng không thỏa thuận được thời gian và phương thức thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ trên; còn bị đơn đề nghị vì hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị trả cho nguyên đơn mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền nợ nêu trên nhưng nguyên đơn không đồng ý, việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận về tiền nợ lãi chậm trả là 5.500.000 đồng tính từ tháng 11/2017 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, của số tiền 70.500.000 đồng là tự nguyện không trái với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị My M có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị Thanh H 70.500.000 đồng tiền nợ gốc và 5.500.000 đồng tiền lãi chậm trả, tổng cộng là 76.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là chị Nguyễn Thị My M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thanh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thanh H.

1. Buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị My M có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị Thanh H số tiền nợ gốc là 70.500.000 (bảy mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng và số tiền lãi chậm trả là 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng, tổng cộng là 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị My M phải chịu 3.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là để sung công quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho nguyên đơn là Hoàng Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.260.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007491 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2018), nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ